

Số: /TB-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

**Kế hoạch đặt hàng để tuyển chọn tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học,
công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện đợt 3 năm 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo (*sau đây viết tắt là Nghị định số 267/2025/NĐ-CP*);

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 18/4/2026 của UBND tỉnh Ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ kết quả họp Tổ chuyên gia tư vấn rà soát, lựa chọn đặt hàng, xác định mức trần kinh phí dự kiến hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện đợt 3 năm 2026;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 251/TTr-KHCN ngày 03/6/2026.

UBND tỉnh Bắc Ninh thông báo Kế hoạch đặt hàng để tuyển chọn tổ chức chủ trì các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện đợt 3 năm 2026 cụ thể như sau:

1. Thông báo Kế hoạch đặt hàng để tuyển chọn 08 nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện đợt 3 năm 2026

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: trong thời gian 30 ngày kể từ ngày UBND tỉnh thông báo Kế hoạch đặt hàng để tuyển chọn tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện đợt 3 năm 2026.

3. Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Ninh (Tòa liên cơ quan 21 tầng, Quảng trường 3/2, Phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh).

4. Phương thức thực hiện: Tuyển chọn.

5. Hồ sơ đăng ký xét đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Thành phần hồ sơ chung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Trong đó: Một số biểu mẫu thực hiện theo quy định tại Quyết định số 197/QĐ-SKHCN ngày 08/5/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ: Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (BM 06.26/QĐ197); Thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (BM 07.26/QĐ197); Văn bản cam kết phối hợp/đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (BM 08.26/QĐ197).

Thuyết minh được trình bày tối đa 20 trang, trong đó bổ sung các thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, ngoài ra có phụ lục trình bày chi tiết các nội dung để làm rõ thuyết minh.

- Số lượng hồ sơ: 09 bộ, gồm 01 bộ gốc và 08 bộ sao, có niêm phong.

6. Phương thức tiếp nhận hồ sơ

Hồ sơ được tiếp nhận thông qua hình thức nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Sở Khoa học và Công nghệ.

Đối với hồ sơ gửi (nộp) qua dịch vụ bưu chính, thời điểm nộp hồ sơ là thời gian hồ sơ được giao phát đến Sở Khoa học và Công nghệ.

Giao Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh về trình tự xét đặt hàng, thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định.

Lưu ý: Nhà nước sẽ nắm giữ quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả nhiệm vụ trong trường hợp cơ quan nhà nước có yêu cầu tiếp nhận kết quả.

7. Giao Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh thông báo Kế hoạch đặt hàng để tuyển chọn nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện đợt 3 năm 2026 trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các phường, xã;
- Viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức KH&CN;
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP, TKCT, TH-ĐT;
- + Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Sơn

Phụ lục

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TUYỂN CHỌN THỰC HIỆN ĐỢT 3 NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Dự kiến kết quả và hiệu quả, tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ	Dự kiến mức trần kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Phương thức thực hiện
1	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng, xây dựng hệ thống giám sát thông minh và bản sao số nhằm quản lý bền vững nguồn nước lưu vực hồ Cẩm Sơn, tỉnh Bắc Ninh.	- Đánh giá hiện trạng (sử dụng đất, tài nguyên nước, hệ sinh thái và các yếu tố tác động đến an ninh nguồn nước) lưu vực hồ Cẩm Sơn. - Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS và bộ mô hình thủy văn, thủy lực, chất lượng nước phục vụ mô phỏng diễn biến dòng chảy, cân bằng nước, lan truyền ô nhiễm, dự báo và hỗ trợ ra quyết định quản lý nguồn nước tại lưu vực hồ Cẩm Sơn. - Xây dựng hệ thống giám sát thông minh và bản sao số (Digital Twin) tích hợp dữ liệu quan trắc, mô hình và GIS phục vụ giám sát, cảnh báo và quản lý nguồn nước lưu vực hồ Cẩm Sơn. - Đề xuất được các giải pháp quản lý tổng hợp lưu vực hồ Cẩm Sơn theo hướng bền vững.	- Bộ dữ liệu tổng hợp lưu vực hồ Cẩm Sơn chuẩn hóa tối thiểu 10 năm số liệu lịch sử (từ năm 2015 - năm 2025); tối thiểu 20 lớp bản đồ GIS chuyên đề, cập nhật dữ liệu tự động tối đa theo chu kỳ 30 phút/lần. - Báo cáo đánh giá được hiện trạng (sử dụng đất, tài nguyên nước, hệ sinh thái) lưu vực hồ Cẩm Sơn. - Bộ mô hình thủy văn, thủy lực, chất lượng nước sai số mô phỏng dòng chảy Nash-Sutcliffe (NSE) đạt $\geq 0,70$; sai số đặc trưng mực nước hồ tối đa 50cm; sai số lưu lượng nước đến hồ $\leq 20\%$; có khả năng chạy tối thiểu 05 kịch bản vận hành (mực nước, lưu lượng nước đến, nguồn nước mùa kiệt, mùa lũ, chất lượng nước). - Hệ thống giám sát thông minh tích hợp tối thiểu 05 nguồn dữ liệu khác nhau (mưa, mực nước, lưu lượng nước, bốc hơi, chất lượng nước); cập nhật dữ liệu tự động theo chu kỳ tối đa 30 phút/lần; độ chính xác dự báo (mực nước, lưu lượng nước, chất lượng nước) tối thiểu 80%; tỷ lệ phát hiện bất thường về mực nước đạt $\geq 85\%$, thời gian đáp ứng tối đa 15 phút/lần; có khả năng hỗ trợ cảnh báo sớm các nguy cơ thiếu nước, ô nhiễm và biến động bất thường nguồn nước; có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với	- Tổng kinh phí: 6.500 + Ngân sách nhà nước: 6.500 + Nguồn khác: 0	Tuyển chọn

			các hệ thống quản lý chuyên ngành thông qua API hoặc nền tảng tích hợp dữ liệu. - Bản sao số (Digital Twin) trên cơ sở tích hợp mô hình thủy văn, thủy lực và dữ liệu quan trắc, GIS nhằm hỗ trợ trực quan hóa, giám sát và đánh giá các kịch bản quản lý nguồn nước. <i>(mô phỏng tối thiểu 05 kịch bản quản lý)</i> - Xây dựng được mô hình tại hồ Cẩm Sơn tối thiểu 05 điểm quan trắc, độ chính xác tối thiểu của hệ thống 90%; tỷ lệ truyền dữ liệu ổn định $\geq 90\%$. - Tối thiểu 05 nhóm giải pháp quản lý tổng hợp tài nguyên nước hồ Cẩm Sơn. - Tài liệu phân tích thiết kế hệ thống và tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống thông minh và bản sao số nhằm quản lý bền vững nguồn nước lưu vực hồ Cẩm Sơn. - Các báo cáo/chuyên đề nghiên cứu khoa học. - 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí hoặc bài báo công bố tại hội thảo khoa học thuộc Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm do Hội đồng Giáo sư Nhà nước quyết định. - Đào tạo, tập huấn. - Hội thảo khoa học - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (Báo cáo chính, Báo cáo tóm tắt).		
2	Ứng dụng kỹ thuật định vị chính xác, công nghệ Blockchain, IoT trong quản lý vùng trồng và truy xuất nguồn gốc	- Xây dựng được bản đồ số với độ chính xác mức cm vùng trồng vải thiều trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. - Xây dựng được hệ thống giám sát canh tác vải thiều bằng công nghệ IoT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, quy mô 100 ha.	- 01 hệ thống bản đồ số với độ chính xác mức cm vùng trồng vải thiều trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh với tổng diện tích 100 ha. - 01 hệ thống giám sát canh tác vải thiều bằng công nghệ IoT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. - 01 hệ thống truy xuất nguồn gốc phi tập trung dựa trên công nghệ Blockchain thương mại	- Tổng kinh phí: 9.000 + Ngân sách nhà nước: 6.000 + Nguồn khác: 3.000	Tuyển chọn

	vải thiều tại tỉnh Bắc Ninh.	- Phát triển hệ thống truy xuất nguồn gốc phi tập trung dựa trên công nghệ Blockchain thương mại phiên bản chính thức (Mainnet) (<i>có hạ tầng nút (node) đặt tại Việt Nam</i>) cho vải thiều trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. - Xây dựng mô hình mẫu và chuyển giao năng lực quản trị nông nghiệp số cho địa phương.	phiên bản chính thức (Mainnet) (<i>có hạ tầng nút (node) đặt tại Việt Nam</i>) cho vải thiều trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. - 01 hệ thống phần mềm trung tâm trên nền Web và Mobile App (iOS và Android) có kết nối với hệ thống bản đồ số, hệ thống giám sát canh tác vải thiều, hệ thống truy xuất nguồn gốc phi tập trung. - 01 mô hình trình diễn quy mô 100ha, năng suất vải thiều tăng từ 10-15%; đạt chứng nhận VietGAP/GlobalGAP; tăng sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh, thuốc BVTV sinh học, giảm sử dụng thuốc BVTV và phân bón hóa học từ 30-40%. - Bộ tài liệu thiết kế hệ thống bản đồ số, hệ thống giám sát canh tác vải thiều bằng công nghệ IoT, hệ thống truy xuất nguồn gốc phi tập trung và hệ thống phần mềm trung tâm. - Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống bản đồ số, hệ thống giám sát canh tác vải thiều bằng công nghệ IoT, hệ thống truy xuất nguồn gốc phi tập trung và hệ thống phần mềm trung tâm. - Tập huấn kỹ thuật cho 300 lượt người dân; đào tạo 05 kỹ thuật viên. - Tổ chức hội thảo khoa học. - 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí hoặc bài báo công bố tại hội thảo khoa học thuộc Danh mục tạp chí/hội thảo khoa học được tính điểm do Hội đồng Giáo sư Nhà nước quyết định. - Các báo cáo/chuyên đề nghiên cứu. - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (Báo cáo chính, Báo cáo tóm tắt).		
3	Nghiên cứu trồng thử nghiệm một số giống na và biện	- Xác định được tối thiểu 01 giống na phù hợp với điều kiện canh tác trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.	- Tối thiểu 01 giống na (năng suất năm thứ 2 sau ghép cải tạo đạt 04 tấn/ha, đạt độ Brix trên 21%,	- Tổng kinh phí: 3.600	Tuyển chọn

	pháp kỹ thuật canh tác theo hướng hữu cơ phù hợp với điều kiện tỉnh Bắc Ninh.	- Hoàn thiện được quy trình kỹ thuật ghép cải tạo giống na mới trên giống na bản địa của tỉnh tỷ lệ cành sống trên 70%. - Hoàn thiện được quy trình kỹ thuật canh tác, rải vụ theo hướng hữu cơ đối với giống na mới, hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu 10% so với biện pháp canh tác truyền thống cho cây na tại tỉnh Bắc Ninh. - Xây dựng được 02 mô hình: + 01 mô hình ghép cải tạo với quy mô 01 ha, hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu 10%, chất lượng quả đạt độ Brix trên 21%, khối lượng quả trên 450g/quả; + 01 mô hình trồng mới với quy mô 03 ha, cây sinh trưởng phát triển tốt, tỷ lệ sống trên 90%.	khối lượng quả trung bình 450g) phù hợp với điều kiện canh tác tỉnh Bắc Ninh. - 01 quy trình ghép cải tạo giống na mới tỷ lệ cành sống trên 70% (<i>được công nhận cấp cơ sở</i>) - 01 quy trình canh tác, rải vụ giống na mới theo hướng hữu cơ hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu 10% so với canh tác truyền thống (<i>được công nhận cấp cơ sở</i>) - 02 mô hình (01 mô hình ghép cải tạo với quy mô 01 ha, hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu 10%, chất lượng quả đạt độ Brix trên 21%, khối lượng quả trên 450g/quả; 01 mô hình trồng mới với quy mô 03 ha, cây sinh trưởng phát triển tốt, tỷ lệ sống trên 90%). - 02 lớp tập huấn kỹ thuật. - Các báo cáo/chuyên đề nghiên cứu khoa học. - 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành. - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (Báo cáo chính, báo cáo tóm tắt).	+ Ngân sách nhà nước: 3.000 + Nguồn khác: 600	
4	Nghiên cứu bảo tồn và phát triển cây hoa sen Nhị sắc tại tỉnh Bắc Ninh.	- Khảo sát, đánh giá được hiện trạng nguồn gen và đặc điểm nông sinh học của cây hoa sen Nhị sắc tại tỉnh Bắc Ninh. - Thu thập, tuyển chọn, lưu giữ được giống sen Nhị sắc ưu tú, cây sinh trưởng, phát triển tốt, chống chịu được sâu bệnh, màu sắc hoa đẹp, độ bền hoa cao (10 – 15 mẫu) - Hoàn thiện được 01 quy trình nhân giống cây hoa sen Nhị sắc bằng phương pháp tách thân.	- 01 Báo cáo khoa học tổng hợp về hiện trạng phân bố, nguồn gen và các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng sinh trưởng, phát triển của cây hoa sen Nhị sắc tại tỉnh Bắc Ninh. - 01 bộ sưu tập nguồn gen sen Nhị sắc được thu thập, tuyển chọn, lưu giữ (10 - 15 mẫu nguồn gen khác nhau) quy mô 500 m² - Tuyển chọn được các dòng/cá thể sen Nhị sắc ưu tú. Cây sinh trưởng khỏe, tỷ lệ nhiễm sâu bệnh thấp (<10%), hoa đẹp, màu sắc ổn định, độ bền hoa cắt cành $\geq 3-5$ ngày. Giống được nhân theo phương pháp tách thân. Giống được tự công bố lưu hành.	- Tổng kinh phí: 2.050 + Ngân sách nhà nước: 1.800 + Nguồn khác: 250	Tuyển chọn

		- Hoàn thiện được 02 quy trình trồng và chăm sóc sen Nhị sắc (trồng trong chậu và trồng ngoài ao, hồ). - Xây dựng 02 mô hình trồng, chăm sóc và phát triển vùng sản xuất sen Nhị sắc. Quy mô trồng ao, hồ: 2ha/ 02 mô hình; Quy mô trồng chậu: 1000 chậu/ 02 mô hình.	- 01 quy trình kỹ thuật nhân giống sen Nhị sắc bằng phương pháp tách thân có tính khả thi và áp dụng được trong thực tiễn. - 02 quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc sen Nhị sắc theo hướng bền vững (trồng chậu và trồng ngoài ao, hồ). - 02 mô hình trồng, chăm sóc và phát triển vùng sản xuất sen Nhị sắc tập trung. Quy mô trồng ao, hồ: 2ha/ 02 mô hình; Quy mô trồng chậu: 1000 chậu/ 02 mô hình (Tỷ lệ cây sống đạt $\geq 90\%$. năng suất hoa tăng $\geq 15-20\%$ so với phương thức canh tác truyền thống). - 01 Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội và đề xuất giải pháp nhân rộng mô hình. - Tập huấn cho 50 lượt nông dân về kỹ thuật nhân giống, trồng và chăm sóc hoa sen Nhị sắc. - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (Báo cáo chính, báo cáo tóm tắt).		
5	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tổng hợp nhằm hỗ trợ kiểm soát úng ngập trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thích ứng với biến đổi khí hậu	- Đánh giá được hiện trạng hệ thống tiêu thoát nước và tình hình ngập úng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, bao gồm khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư và khu vực sản xuất nông nghiệp. - Phân tích, xác định được các nguyên nhân chủ yếu gây ngập úng trong điều kiện đô thị hóa, công nghiệp hóa và tác động của biến đổi khí hậu. - Xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu GIS tích hợp phục vụ kiểm soát ngập úng trên địa bàn tỉnh, bao gồm dữ liệu địa hình, khí tượng thủy văn, hệ	- Kết quả đánh giá hiện trạng hệ thống tiêu thoát nước và ngập úng tỉnh Bắc Ninh. + Xác định được các khu vực thường xuyên xảy ra ngập úng, thời gian ngập, độ sâu ngập và mức độ ảnh hưởng. + Hoàn thành báo cáo đánh giá hiện trạng hệ thống tiêu thoát nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. - Phân tích, đánh giá nguyên nhân gây ngập úng: + Xác định được các nguyên nhân chính gây ngập úng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. + Phân tích được mối liên hệ giữa các nguyên nhân gây ngập úng và các hoạt động phát triển đô thị công nghiệp và biến đổi khí hậu.	- Tổng kinh phí: 3.500 + Ngân sách nhà nước: 3.500 + Nguồn khác: 0	Tuyển chọn

		thống tiêu thoát nước, hiện trạng sử dụng đất và dữ liệu ngập úng; bảo đảm khả năng khai thác và hỗ trợ công tác quy hoạch, đầu tư, quản lý vận hành hệ thống hạ tầng tiêu thoát nước. - Xây dựng và ứng dụng được mô hình thủy văn – thủy lực để mô phỏng, đánh giá và dự báo ngập úng theo các kịch bản phát triển đô thị, công nghiệp và biến đổi khí hậu. - Đề xuất được các giải pháp tổng hợp kiểm soát úng ngập, bao gồm giải pháp công trình và phi công trình, phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng phát triển của tỉnh Bắc Ninh. - Đề xuất được các khu vực ưu tiên và định hướng đầu tư, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước phục vụ kiểm soát úng ngập trên địa bàn tỉnh. - Đề xuất được các kiến nghị phục vụ công tác quy hoạch, đầu tư và quản lý khai thác vận hành hệ thống tiêu thoát nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.	- 01 bộ cơ sở dữ liệu số (GIS) phục vụ quy hoạch, đầu tư và quản lý khai thác vận hành hệ thống kiểm soát ngập úng. + 01 bộ cơ sở dữ liệu số tích hợp các thông tin: địa hình, thủy hệ, công trình tiêu thoát nước, khu vực ngập úng, số liệu khí tượng thủy văn và hiện trạng sử dụng đất. + Bộ dữ liệu bảo đảm khả năng cập nhật với một số loại dữ liệu, khai thác và phục vụ công tác quản lý của địa phương. - 01 mô hình thủy văn – thủy lực mô phỏng ngập úng: + Xây dựng được mô hình thủy văn – thủy lực phục vụ mô phỏng quá trình tiêu thoát nước và ngập úng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. + Hiệu chỉnh và kiểm định mô hình trên cơ sở dữ liệu thu thập được và các trận ngập điển hình. + Mô phỏng, đánh giá ngập úng theo các kịch bản phát triển đô thị, công nghiệp và biến đổi khí hậu; xác định phạm vi ngập, độ sâu ngập, thời gian ngập và các khu vực nguy cơ cao. + Đánh giá khả năng đáp ứng của hệ thống tiêu thoát nước hiện trạng và mô phỏng hiệu quả của các phương án cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước theo các kịch bản nghiên cứu. - 01 bộ bản đồ chuyên đề về ngập úng theo các kịch bản lựa chọn: + Bản đồ hiện trạng hệ thống tiêu thoát nước; + Bản đồ hiện trạng ngập úng; + Bản đồ phân vùng nguy cơ ngập úng; + Bản đồ khu vực ưu tiên đầu tư cải tạo hệ thống tiêu thoát nước. - Các giải pháp tổng hợp phòng, chống úng ngập cho các khu vực ưu tiên.		
--	--	---	---	--	--

			+ Nhóm giải pháp công trình bao gồm: Xây dựng, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, kênh tiêu, trạm bơm, hồ điều hòa và các hạng mục công trình khác, với các thông số kinh tế - kỹ thuật sơ bộ. + Nhóm giải pháp phi công trình bao gồm: Kiến nghị điều chỉnh quy hoạch hạ tầng đô thị và công nghiệp, các giải pháp cảnh báo ngập, quản lý vận hành hệ thống tiêu thoát nước và các giải pháp khác. + Đề xuất định hướng quy hoạch và quản lý phù hợp với các giải pháp đề xuất. - Danh mục các nội dung đề xuất ưu tiên đầu tư. - Các kiến nghị phục vụ công tác quy hoạch, đầu tư và quản lý vận hành khai thác hệ thống kiểm soát ngập ứng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. - Các báo cáo chuyên đề - Hồ sơ hội thảo, tập huấn. - 02 bài báo khoa học. - Phiếu điều tra, báo cáo tổng hợp số liệu điều tra. - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (Báo cáo chính, báo cáo tóm tắt).		
6	Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.	- Hệ thống hóa cơ sở lý luận, thực tiễn và cơ sở pháp lý, vai trò, nhiệm vụ của HĐND các cấp trong bối cảnh vận hành chính quyền địa phương 2 cấp. - Đánh giá thực trạng hoạt động của HĐND các cấp trong bối cảnh vận hành chính quyền địa phương 2 cấp. - Đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của HĐND các cấp trong bối cảnh vận hành chính quyền địa	- Kết quả khảo sát, điều tra, đánh giá thực trạng hoạt động của HĐND các cấp trong bối cảnh vận hành chính quyền địa phương 2 cấp. Cụ thể: + 01 Mẫu phiếu điều tra, khảo sát + 1.000 Phiếu điều tra, khảo sát đầy đủ thông tin + 01 Báo cáo kết quả phân tích số liệu điều tra, khảo sát. - Các báo cáo chuyên đề. - Hồ sơ Hội thảo khoa học. - 01 báo cáo kết quả trao đổi, học tập kinh nghiệm với Thường trực HĐND 02 tỉnh, thành phố có những mô hình, ứng dụng nổi bật, sáng	- Tổng kinh phí: 1.000 + Ngân sách nhà nước: 1.000 + Nguồn khác: 0	Tuyển chọn

		phương 2 cấp. - Đẩy mạnh chuyển đổi số và hiện đại hóa hoạt động của HĐND các cấp trong bối cảnh vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.	tạo trong hoạt động của HĐND các cấp. - 01 Hội nghị tọa đàm với Thường trực HĐND các xã, phường để trao đổi, đóng góp hoàn chỉnh các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động HĐND các cấp trong bối cảnh vận hành chính quyền địa phương 2 cấp. - Phát hành 500 cuốn cẩm nang, sổ tay hướng dẫn hoạt động của HĐND các cấp; (Mỗi xã, phường dự kiến 05 cuốn). - Báo cáo khoa học tổng hợp đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. - 02 bài báo nghiên cứu khoa học trên một số tạp chí khoa học uy tín trong nước. - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (Báo cáo chính, báo cáo tóm tắt).		
7	Nghiên cứu sự lưu hành và đặc điểm di truyền vi rút lở mồm long móng (FMDV) trên gia súc tại tỉnh Bắc Ninh.	- Xác định tỷ lệ lưu hành virus lở mồm long móng (theo thời gian, không gian/vùng sinh thái và theo loài gia súc như lợn, bò, trâu) tại tỉnh Bắc Ninh. - Phát hiện, định type và đặc điểm di truyền của vi rút lở mồm long móng lưu hành tại địa phương. - Phân tích các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sự phát sinh, lây lan của dịch bệnh lở mồm long móng (phương thức chăn nuôi, mật độ nuôi, việc vận chuyển lưu thông...) trên địa bàn tỉnh.	- Bộ dữ liệu về tỷ lệ lưu hành của vi rút lở mồm long móng ở gia súc tại tỉnh Bắc Ninh. - Báo cáo kết quả xác định type và đặc điểm di truyền của vi rút lở mồm long móng lưu hành tại địa phương. - Báo cáo phân tích các yếu tố nguy cơ làm phát sinh và lây truyền bệnh lở mồm long móng. - 01 bản đồ dịch tễ nhằm hỗ trợ giám sát, cảnh báo và phòng chống bệnh lở mồm long móng tại tỉnh Bắc Ninh. - Đề xuất một số giải pháp phòng chống và kiểm soát bệnh lở mồm long móng trên gia súc tại tỉnh Bắc Ninh. - Các báo cáo chuyên đề nghiên cứu.	- Tổng kinh phí: 1.500 + Ngân sách nhà nước: 1.500 + Nguồn khác: 0	Tuyển chọn

		- Xây dựng bản đồ dịch tễ nhằm hỗ trợ giám sát, cảnh báo và phòng, chống bệnh lở mồm long móng tại tỉnh Bắc Ninh. - Đề xuất một số giải pháp phòng chống và kiểm soát bệnh lở mồm long móng trên gia súc tại tỉnh Bắc Ninh.	- 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành. - Kỹ yếu hội thảo khoa học. - Tổ chức tập huấn kỹ thuật cho 200 lượt người dân và cán bộ thú y (tài liệu và sổ tay hướng dẫn). - Đào tạo: 02 Kỹ sư CN/CNTY/BSTY. - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (Báo cáo chính, Báo cáo tóm tắt).		
8	Nghiên cứu mô hình tích hợp tài nguyên văn học dân gian trong phát triển sản phẩm du lịch tâm linh - sinh thái tại tỉnh Bắc Ninh.	- Khảo sát, hệ thống hóa và phân loại tài nguyên văn học dân gian tỉnh Bắc Ninh gắn với phát triển du lịch tâm linh - sinh thái. - Đánh giá thực trạng khai thác tài nguyên văn học dân gian trong hoạt động du lịch tại tỉnh Bắc Ninh; xác định tiềm năng, lợi thế, hạn chế và nhu cầu phát triển sản phẩm du lịch tâm linh - sinh thái trên nền tảng văn hóa của địa phương. - Xây dựng bộ tiêu chí lựa chọn các điểm du lịch có khả năng tích hợp tài nguyên văn học dân gian phục vụ phát triển du lịch tâm linh - sinh thái tại tỉnh Bắc Ninh. - Xây dựng và đề xuất 03 mô hình tích hợp tài nguyên văn học dân gian vào phát triển sản phẩm du lịch tâm linh - sinh thái phù hợp với điều kiện thực tiễn tỉnh Bắc Ninh; xây dựng nội dung thuyết minh, trải nghiệm và truyền thông du lịch trên nền tảng văn học dân gian.	- Hệ thống cơ sở dữ liệu, danh mục, phân loại và đánh giá thực trạng khai thác tài nguyên văn học dân gian tỉnh Bắc Ninh phục vụ phát triển du lịch. - 01 bộ tiêu chí lựa chọn các điểm du lịch có khả năng tích hợp tài nguyên văn học dân gian phục vụ phát triển du lịch tâm linh - sinh thái trên địa bàn tỉnh. - Báo cáo tổng hợp nghiên cứu về mô hình tích hợp tài nguyên văn học dân gian trong phát triển sản phẩm du lịch tâm linh - sinh thái tỉnh Bắc Ninh, bảo đảm tính khoa học, tính ứng dụng và khả năng triển khai thực tiễn; - 03 mô hình tích hợp tài nguyên văn học dân gian trong phát triển sản phẩm du lịch tâm linh - sinh thái phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Bắc Ninh và tài liệu hướng dẫn ứng dụng phục vụ quản lý, khai thác và nhân rộng mô hình. - Bộ tài liệu thuyết minh mẫu (song ngữ tiếng Việt – tiếng Anh) tại các điểm đến du lịch tâm linh - sinh thái tiêu biểu gắn với tài nguyên văn học dân gian tỉnh Bắc Ninh (tối thiểu 05 bài thuyết minh, thời lượng từ 15–20 phút/bài). - Xây dựng được các video clip, hình ảnh, sản phẩm truyền thông số và dữ liệu số hóa giới thiệu điểm đến du lịch tâm linh - sinh thái gắn	- Tổng kinh phí: 1.200 + Ngân sách nhà nước: 1.100 + Nguồn khác: 100	Tuyển chọn

		- Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả bảo tồn, khai thác và phát huy tài nguyên văn học dân gian trong phát triển du lịch tâm linh - sinh thái tại tỉnh Bắc Ninh.	với văn học dân gian phục vụ quảng bá du lịch địa phương. - Đề xuất được các giải pháp bảo tồn, khai thác và phát huy tài nguyên văn học dân gian trong phát triển du lịch tâm linh - sinh thái tại Bắc Ninh. - 02 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành. - Bộ phiếu điều tra khảo sát - Hồ sơ đào tạo, tập huấn. - Hồ sơ hội thảo khoa học. - Các báo cáo, chuyên đề nghiên cứu khoa học. - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt).		
--	--	--	---	--	--